

## THÔNG BÁO TUYỂN SINH BỔ SUNG SAU ĐẠI HỌC NĂM 2021

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10/8/2020 của Hội đồng Trường Đại học Y-Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y-Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Công văn số 622/KYT-K2ĐT ngày 12/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc hướng dẫn tuyển sinh và đào tạo CKI, CKII và BSNT trong năm 2020;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh Sau đại học ngày 21/5/2021 của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 5090/QĐ-BYT ngày 05/11/2021 của Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo Chuyên khoa cấp I, Bác sĩ nội trú cho Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh Sau đại học ngày 06/11/2021 của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên thông báo tuyển sinh bổ sung Sau đại học trình độ Chuyên khoa I và Bác sĩ nội trú năm 2021 như sau:

### 1. HÌNH THỨC ĐÀO TẠO, CHUYÊN NGÀNH, MÔN THI VÀ DỰ KIẾN CHỈ TIÊU TUYỂN SINH

#### 1.1. Hình thức và thời gian đào tạo

STT	Trình độ đào tạo	Thời gian đào tạo	
		Tập trung	Tập trung theo chứng chỉ
1	Chuyên khoa I	2 năm	3 năm
2	Bác sĩ nội trú	3 năm	

#### 1.2. Chuyên ngành, môn thi tuyển và dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh

##### 1.2.1 Chuyên khoa I

- Số chuyên ngành tuyển sinh: 04

- Tổng chỉ tiêu tuyển sinh:

STT	Chuyên ngành đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Môn thi	
			Môn chuyên ngành	Môn cơ sở
1	Điều dưỡng	60	Đề thi tổ hợp*	Điều dưỡng cơ bản
2	Phục hồi chức năng	70	Phục hồi chức năng	Sinh lý
3	Răng Hàm Mặt	20	Răng Hàm Mặt	Giải phẫu
4	Y học cổ truyền	10	Y học cổ truyền	Sinh lý

(\*) Đề thi tổ hợp của 4 môn: Điều dưỡng Nội, Điều dưỡng Ngoại, Điều dưỡng Sản, Điều dưỡng Nhi.

### 1.2.2 Bác sĩ nội trú

- Số chuyên ngành tuyển sinh: 01

- Tổng chỉ tiêu tuyển sinh: 6

STT	Chuyên ngành đào tạo	Môn thi				
		Môn 1	Môn 2*	Môn 3** (Môn cơ bản)	Môn 4 (Môn chuyên ngành)	Môn 5 (Môn chuyên ngành gần gần)
1	Chẩn đoán hình ảnh	Toán thống kê	Tiếng Anh	Chọn ngẫu nhiên 1 trong 4 môn: Sinh lý, Giải phẫu, Hóa sinh, Sinh học di truyền	Ngoại khoa	Sản khoa

(\*) Trường hợp được miễn thi ngoại ngữ:

- Thí sinh có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương (theo Phụ lục II của Thông tư số 15/2014/TT- BGDĐT ngày 15/5/2014) trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, cấp bởi cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận.

- Thí sinh đạt bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam được miễn học, miễn thi.

- Đối với ngoại ngữ khác xem cụ thể trong Phụ lục 1 kèm theo thông báo tuyển sinh

(\*\*) Môn cơ bản được tổ chức bốc thăm trước khi dự thi 03 ngày.

## 2. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

### 2.1. Điều kiện chung

- Có đủ sức khỏe học tập và công tác theo quy định.
- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Riêng đối tượng Bác sĩ nội trú: Trong các năm học đại học không bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên và không bị dừng học tập (trừ trường hợp dừng học vì lý do sức khỏe, thai sản).
- Không giới hạn tuổi dự thi.
- Nộp hồ sơ đầy đủ và đúng thời gian quy định.

### 2.2. Điều kiện về văn bằng và kinh nghiệm/thâm niên công tác

STT	Trình độ đào tạo	Điều kiện văn bằng và kinh nghiệm/thâm niên công tác*
1	Chuyên khoa I chuyên ngành Răng Hàm Mặt	Tốt nghiệp đại học ngành Răng Hàm Mặt hoặc ngành Y khoa; và có chứng chỉ hành nghề đúng chuyên ngành dự tuyển.
2	Chuyên khoa I chuyên ngành Điều dưỡng	Tốt nghiệp đại học Cử nhân Điều dưỡng và có chứng chỉ hành nghề đúng với chuyên ngành dự tuyển.
3	Chuyên khoa I chuyên ngành Y học cổ truyền	1. Tốt nghiệp đại học ngành Y học cổ truyền hoặc ngành Y khoa; và có chứng chỉ hành nghề đúng với chuyên ngành dự tuyển. 2. Đối với thí sinh tốt nghiệp ngành Y khoa có chứng chỉ hành nghề không đúng với chuyên ngành dự tuyển: cần có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị thâm niên công tác trong chuyên ngành dự tuyển tối thiểu 01 năm liên tục kể từ khi có chứng chỉ hành nghề.
4	Chuyên khoa I chuyên ngành Phục hồi chức năng	1. Tốt nghiệp đại học ngành Y khoa và có chứng chỉ hành nghề đúng với chuyên ngành dự tuyển; hoặc ngành Y học cổ truyền, đã có chứng chỉ hành nghề và được bổ sung phạm vi hành nghề thuộc chuyên ngành dự tuyển. 2. Đối với thí sinh tốt nghiệp ngành Y khoa có chứng chỉ hành nghề không đúng với chuyên ngành dự tuyển: cần có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị có thâm niên công tác

STT	Trình độ đào tạo	Điều kiện văn bằng và kinh nghiệm/thâm niên công tác*
		trong chuyên ngành dự tuyển tối thiểu 01 năm liên tục kể từ khi có chứng chỉ hành nghề.
5	Bác sĩ nội trú chuyên ngành Chẩn đoán hình ảnh	<p>Có Bằng tốt nghiệp ngành Y khoa hệ chính quy, đạt loại Khá trở lên.</p> <p>Thí sinh chỉ được dự thi một lần duy nhất sau khi tốt nghiệp đại học trong thời hạn dưới 12 tháng (<i>tính từ ngày cấp bằng, giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời</i>).</p>

(\* ) Kinh nghiệm/thâm niên công tác: được tính đến ngày xét duyệt điều kiện dự thi (xem mục 7.3)

### 3. CHẾ ĐỘ ƯU TIÊN

#### 3.1. Đối tượng ưu tiên

a. Người có thời gian công tác hai năm liên tục trở lên (*tính đến ngày 8/11/2021*) tại các xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn ở các địa phương thuộc miền núi, vùng cao, vùng sâu, hải đảo (*theo quy định hiện hành*);

b. Thương binh, bệnh binh người có giấy chứng nhận được hưởng chính sách như thương binh;

c. Con liệt sĩ;

d. Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, người có công với cách mạng;

e. Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định ở mục a;

f. Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

#### 3.2. Chính sách ưu tiên

- Mỗi thí sinh chỉ được hưởng một diện ưu tiên.

- Người thuộc diện ưu tiên nếu dự thi Chuyên khoa I sẽ được cộng thêm 1 điểm (thang điểm 10) cho môn cơ sở; nếu dự thi Bác sĩ nội trú sẽ được cộng thêm 1 điểm (thang điểm 10) cho môn cơ bản.

**Lưu ý:** Các thí sinh thuộc diện ưu tiên nộp giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền khi nộp hồ sơ dự tuyển (không giải quyết trường hợp bổ sung giấy ưu tiên sau khi

đã nộp hồ sơ).

## 4. ĐIỀU KIỆN TRÚNG TUYỂN

### 4.1. Chuyên khoa I

- Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt 50% của thang điểm đối với mỗi môn thi (sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có). Không thực hiện việc làm tròn điểm, công bố điểm tới hai chữ số sau dấu phẩy.

- Các thí sinh có điểm đạt của tất cả các môn thi sẽ được xếp theo thứ tự tổng điểm môn chuyên ngành và cơ sở từ cao xuống thấp theo chuyên ngành đăng ký dự thi và sẽ được xét trúng tuyển cho đến khi đủ chỉ tiêu theo chuyên ngành đã được phê duyệt.

- Trong trường hợp có nhiều thí sinh có tổng điểm bằng nhau, xác định người trúng tuyển là thí sinh có điểm môn chuyên ngành cao hơn.

### 4.2. Bác sĩ nội trú

- Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt 70% của thang điểm đối với mỗi môn chuyên ngành và 50% của thang điểm đối với mỗi môn thi khác (sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có). Không thực hiện việc làm tròn điểm, công bố điểm tới hai chữ số sau dấu phẩy.

- Các thí sinh có điểm đạt của tất cả các môn thi (bao gồm cả môn Ngoại ngữ) sẽ được xếp theo thứ tự tổng điểm của bốn môn (gồm môn chuyên ngành, môn chuyên ngành gần, môn toán và môn cơ bản) từ cao xuống thấp theo chuyên ngành đăng ký dự thi và sẽ được xét trúng tuyển cho đến khi đủ chỉ tiêu đã được phê duyệt.

- Trong trường hợp có nhiều thí sinh có tổng điểm bằng nhau, xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên: (1) Tổng điểm môn chuyên ngành và chuyên ngành gần cao hơn; (2) Được miễn thi môn ngoại ngữ hoặc có điểm thi môn ngoại ngữ cao hơn; (3) Điểm trung bình toàn khóa đại học cao hơn.

## 5. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI

1. Đơn xin dự thi có xác nhận của cơ quan quản lý (theo mẫu).

2. Sơ yếu lý lịch có dán ảnh, đóng dấu giáp lai, xác nhận của cơ quan quản lý; hoặc xác nhận của chính quyền địa phương đối với thí sinh tự do; hoặc xác nhận của cơ sở đào tạo với thí sinh dự thi Bác sĩ nội trú (ghi rõ không bị dừng học tập, không bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong quá trình đào tạo).

3. Bản sao công chứng bằng Đại học và bảng điểm:

- Bằng Đại học và bảng điểm Đại học.

- Nếu bằng Đại học và bảng điểm do các trường đại học nước ngoài cấp, phải công chứng dịch thuật và có xác nhận giá trị văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo

dục và Đào tạo.

4. Bản sao giấy khai sinh.

5. Giấy chứng nhận đủ sức khỏe học tập (theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 hướng dẫn khám sức khỏe) trong thời hạn 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.

6. Công văn cử đi dự thi của cơ quan có thẩm quyền (đối với thí sinh đăng ký dự thi trình độ CKI). Nếu thí sinh tự do tại thời điểm đăng ký dự thi, cần nộp quyết định thôi việc, chấm dứt hợp đồng hoặc cam kết không làm việc, ký hợp đồng với bất kỳ cơ quan/tổ chức nào.

7. Giấy xác nhận thâm niên công tác của cơ quan quản lý người lao động (bản dấu đỏ, đối với thí sinh đăng ký dự thi trình độ CKI).

8. Bản sao công chứng:

- Bằng/chứng chỉ và các giấy tờ liên quan đối với trường hợp miễn thi môn ngoại ngữ đăng ký tuyển sinh trình độ BSNT (Xem phụ lục 2).

- Chứng chỉ bổ sung kiến thức (đối với ngành/chuyên ngành có yêu cầu).

- Chứng chỉ hành nghề (đối với thí sinh đăng ký dự thi trình độ CKI).

- Quyết định tuyển dụng, Quyết định hưởng lương theo mã ngạch (nếu có) hoặc hợp đồng lao động. Đối với trường hợp tốt nghiệp hệ liên thông, nộp Quyết định tiếp nhận công tác/chuyển ngạch/nâng ngạch sau khi tốt nghiệp Đại học.

- Quyết định bổ nhiệm cán bộ quản lý cấp Khoa/Phòng/Bộ môn (nếu có).

9. Hai bì thư, mỗi bì thư đựng 02 ảnh cỡ 3x4 cm (chụp không quá 6 tháng). Bên ngoài hai bì thư và mặt sau tất cả ảnh ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh, chuyên ngành dự thi.

## **6. LỆ PHÍ TUYỂN SINH**

**6.1. Lệ phí đăng ký dự thi:** 60.000 đồng/01 hồ sơ.

**6.2. Lệ phí dự thi:**

- Thí sinh dự thi chuyên khoa I: 240.000 đồng (120.000 đồng/môn thi).

- Thí sinh dự thi BSNT: 600.000 đồng (120.000 đồng/môn thi).

**Lưu ý:** Hồ sơ và lệ phí sẽ không hoàn lại nếu thí sinh không đủ tiêu chuẩn dự thi, bỏ thi hoặc thi không trúng tuyển.

## **7. THỜI GIAN PHÁT HÀNH - NHẬN HỒ SƠ, ÔN TẬP VÀ THI TUYỂN**

**7.1. Thời gian, địa điểm phát hành hồ sơ**

- Thời gian phát hành hồ sơ: từ ngày 08/11/2021 đến ngày 14/11/2021.

- Nơi phát hành hồ sơ: Phòng Đào tạo (Bộ phận Sau đại học), Trường Đại học Y-Dược, Đại học Thái Nguyên.

## 7.2. Thời gian, địa điểm thu nhận hồ sơ

- Thời gian nhận hồ sơ: Sáng từ 8h00 -11h30; Chiều từ 13h30 -16h30 (từ thứ 2 đến thứ 6), từ ngày 09/11/2021 đến ngày 19/11/2021

- Nơi nhận hồ sơ: Phòng Đào tạo (Bộ phận Sau đại học), Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.

## 7.3. Dự kiến ôn tập và thi tuyển

- Dự kiến thời gian xét duyệt điều kiện dự thi: ngày 22 - 24/11/2021.

- Dự kiến thời gian thi: từ ngày 9/12/2021 đến ngày 12/12/2021 .

Thi tuyển được tổ chức tại Trường Đại học Y-Dược, Đại học Thái Nguyên.

## 8. HỌC PHÍ

Nếu trúng tuyển, học phí và kinh phí đào tạo được thu theo quy định hiện hành.


### Địa chỉ liên hệ:

Phòng đào tạo (Bộ phận Sau đại học), Trường Đại học Y-Dược, Đại học Thái Nguyên.

Địa chỉ: Số 284, đường Lương Ngọc Quyến, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Số điện thoại: 0208.3858.198 ; Email: [saudaihocytn@gmail.com](mailto:saudaihocytn@gmail.com)

### **Nơi nhận:**

- Bộ Y tế (B/c);
- ĐHTN (B/c);
- Các Trường Đại học, Cao đẳng Y-Dược;
- Các Sở Y tế và đơn vị trực thuộc;
- Các đơn vị trong Trường;
- Đăng website;
- Lưu: VT, ĐT (SDH) 

**HIỆU TRƯỞNG - CHỦ TỊCH HĐQTS SDH 2021**



**PGS. TS. NGUYỄN TIẾN DŨNG**

## Phụ lục số: 01

# CÁC TRƯỜNG HỢP XÉT MIỄN THI NGOẠI NGỮ VÀ BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM

(Theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014  
ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)

### 1. Bác sĩ nội trú

1. Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm được xét miễn thi ngoại ngữ; học viên có thể tự học, nhưng phải dự thi đạt chuẩn đầu ra.
2. Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ từ bậc 4/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm được xét miễn học, miễn thi đầu ra.

### 2. Bảng tham chiếu quy đổi (điểm số ở bảng dưới đây là điểm tối thiểu cần đạt được)

#### Tiếng Anh

Cấp độ (CEFR)	IELT S	TOEFL	TOEIC (4 kỹ năng)	Cambridge Exam	BEC	BULATS	Khung Châu Âu
3/6 (Khung VN)	4.5	450 PBT 133 CBT 45 iBT	450* (105-90)	Preliminary PET	Business Preliminary	40	B1
4/6 (Khung VN)	5.5	500 PBT 173 CBT 61 iBT	600* (140- 130)	First FCE	Business Vantage	60	B2

(\*): Bậc 3/6 Khung năng lực Việt Nam: Quy đổi tương đương TOEIC yêu cầu 4 kỹ năng, trong đó 2 kỹ năng nghe và đọc đạt 450 điểm, kỹ năng nói đạt 105 điểm và viết đạt 90 điểm. Bậc 4/6 quy đổi tương đương TOEIC yêu cầu 4 kỹ năng, trong đó 2 kỹ năng nghe và đọc đạt 600 điểm, kỹ năng nói đạt 140 điểm và viết đạt 130 điểm.

#### Một số tiếng khác

Cấp độ (CEFR)	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật
3/6 (Khung VN)	TRKI1	DELFB1 TCF niveau 3	BI ZD	HSK cấp độ 3	JLPTN4
4/6 (Khung VN)	TRKI2	DELF B2 TCF niveau 4	B2 TestDaF level 4	HSK cấp độ 4	JLPTN3